

Bản án số 190/2025/HS-PT

Ngày 25-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Võ Hồng Sơn;
ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 692/2025/TLHS-PT ngày 28 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Trần Đức Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 58/2025/HS-ST ngày 25-4-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Ninh Bình).

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Đức Đ sinh năm 1992; nơi cư trú: phường T, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: tự do; con ông Trần Đức C (đã chết) và bà Trần Thị Hồng L; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 03/12/2024; có mặt.

- Bị hại không kháng cáo: anh Trần Văn C sinh năm 1990 và chị Trần Thị X sinh năm 1990; đều trú tại: phường T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Do có quan hệ quen biết giữa Trần Đức Đ và vợ chồng anh Trần Văn C, Trần Thị X, là hàng xóm cùng thôn 3, xã M, thành phố Nam Định, để có tiền sử dụng việc cá nhân, Đ đã nhiều lần vay tiền và trả lãi cho vợ chồng anh C, chị X. Việc vay nợ giữa Đ và vợ chồng anh C, chị X không có giấy biên nhận. Có một lần vào ngày 01/10/2023 Đ đã đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất ruộng) mang tên bà Trần Thị Hồng L (mẹ của Đ) cầm cố cho anh C và viết giấy biên nhận vay anh C số tiền 300 triệu đồng. Đến đầu tháng 01/2024 khi số tiền Đ vay khoảng 900 triệu đồng (theo lời khai của Đ), lúc này Đ không còn khả năng trả nợ trong khi vợ chồng anh C thúc giục đòi nợ nên Đ đã nảy sinh ý định mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để gian dối bán thửa đất cho vợ

chồng anh C nhằm mục đích giãn nợ và chiếm đoạt tài sản. Đ đã vào trang mạng internet ứng dụng Google trên điện thoại di động liên hệ với một người không quen biết (không rõ thông tin lai lịch, địa chỉ) chuyển thông tin có liên quan qua ứng dụng telegram để mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 6 triệu đồng. Do có lần Đ nói dối vợ chồng anh C là còn mảnh đất ở khu đô thị M muốn bán nên anh C muốn Đ chuyển nhượng thửa đất này cho anh C để trừ nợ. Anh C và Đ ký giấy biên nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 15/01/2024 thể hiện nội dung Đ đã nhận đủ số tiền 1.800.000.000 đồng có xác nhận chứng kiến của anh Trần Duy D (thực tế không có việc chuyển tiền cho nhau). Ngoài ra, vợ chồng anh C yêu cầu Đ ký giấy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 21/01/2024 giữa bên bán là Đ còn bên mua là anh C ghi nhận nội dung Đ đã nhận số tiền đặt cọc là 600 triệu đồng để mua thửa đất số 21 tờ bản đồ số 71 diện tích 70 m² tại đường T, khu đô thị M, thành phố Nam Định, có xác nhận chứng kiến của anh Trần Đình T, sinh năm 1989, trú tại thành phố Nam Định (thực tế không có việc chuyển tiền).

Đến ngày 22/01/2024 Đ nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin: số BY 340619, UBND thành phố Nam Định cấp ngày 28/12/2023, người sử dụng đất là Trần Đức Đ, thửa đất số 21, tờ bản đồ số 72, diện tích 70 m² đất ở, địa chỉ đường T, khu đô thị M, thành phố Nam Định. Ngày 25/01/2024, Đ đã sử dụng giấy chứng nhận giả này ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh C, chị X do công chứng viên K công chứng hợp đồng tại văn phòng công chứng K ở thành phố Nam Định, giá trị thửa đất ghi trong hợp đồng là 1,1 tỷ đồng. Sau đó, chị X đã chuyển khoản cho Đ số tiền 152 triệu đồng. Đồng thời các ngày tiếp theo từ 27/11/2024 đến ngày 31/01/2024 chị X tiếp tục chuyển khoản cho Đ tổng số tiền 330 triệu đồng để trả tiền mua bán đất cho Đ. Đ đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền là 482 triệu đồng chi tiêu cá nhân. Sau đó vợ chồng anh C đã đến văn phòng đăng ký đất đai thành phố Nam Định để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên đã nói chuyện với Đ, Đ đã thừa nhận. Quá trình điều tra hai bên chưa chốt được số tiền nợ do anh C và chị X cho rằng Đ trước khi giao dịch tại văn phòng công chứng để làm thủ tục mua bán đất còn nợ số tiền 1,3 tỷ đồng còn Đ chỉ nhận nợ số tiền 900 triệu đồng và các bên không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngày 09/5/2024 Đ đã chuyển cho vợ chồng anh C số tiền 200 triệu đồng để khắc phục số tiền đã chiếm đoạt của vợ chồng anh C. Sau đó, anh C đã nhiều lần đòi tiền nhưng Đ không trả nên vợ chồng anh C đã làm đơn tố giác gửi Công an tỉnh Nam Định.

Tại bản kết luận giám định số 1653/KL-KTHS ngày 09/10/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 340619 được UBND thành phố Nam Định cấp ngày 28/12/2023 mang tên Trần Đức Đ đối với mảnh đất tại thửa số 21, tờ bản đồ số 72, diện tích 70 m², địa chỉ đường T, khu đô thị M, thành phố Nam Định thu giữ được là giả; chữ ký, chữ viết

tại 01 giấy biên nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 15/01/2024, 01 giấy biên nhận tiền ngày 09/5/2024, 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/01/2024, 01 hợp đồng cầm cố tài sản ngày 01/10/2013, 01 hợp đồng đặt cọc ngày 21/01/2024 là của Đ và vợ chồng anh C (phù hợp với lời khai của Đ và vợ chồng anh C).

Tại Bản án số 58/2025/HS-ST ngày 25-4-2025, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Ninh Bình) đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b và s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức Đ 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Đức Đ chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 năm tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Đức Đ kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo đối với hai tội.

- Ý kiến Kiểm sát viên: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án kết án bị cáo 11 năm tù đối với 2 tội là đúng. Không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trần Đức Đ đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng anh Trần Đức C, dẫn đến nợ số tiền khoảng 900 triệu đồng, Đ đã mua của một người không quen biết 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Trần Đức Đ đối với thửa đất tại thửa số 21, tờ bản đồ số 72, diện tích 70 m², địa chỉ đường T, khu đô thị M, thành phố Nam Định; sau đó bị cáo đã có hành vi gian dối chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng anh C; chiếm đoạt của vợ chồng anh C số tiền 482 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Trần Đức Đ về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại tổng số 370.000.000 đồng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bản thân có thời gian phục vụ quân đội; chưa có tiền án, tiền sự. Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án và nhân thân của bị cáo, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 08 năm tù là quá nghiêm khắc, nên có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án kết án bị cáo 03 năm tù là đúng.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa Bản án số 58/2025/HS-ST ngày 25-4-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Ninh Bình) như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b và s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức Đ 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Đức Đ chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03-12-2024.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo Trần Đức Đ không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện phúc thẩm 1;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Ninh Bình (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam